

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày 24 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân T.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nghị và bà Kiều Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Phương T - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phan A - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn V, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1989, tại: Xã H, huyện T, tỉnh V; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Trương Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Thu H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2018/HS-ST ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Việt chấp hành xong hình phạt chính ngày 16/11/2019; chấp hành xong án phí ngày 11/03/2019.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 05 ngày 13/02/2017, Việt bị Công an huyện V xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi “trộm cắp tài sản”, đã nộp phạt ngày 13/02/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2021 đến nay, “có mặt”.

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1996, tại: Xã L, huyện L, tỉnh V; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

- Tiền sự: 01 tiền sự.

Tại Quyết định xử phạt hành chính số 01 ngày 19/8/2021, Chung bị Công an xã L, huyện L xử phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. C chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh V đến nay, “có mặt”.

Bị hại: Ông Khuất Văn V, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện P, Thành phố H, “vắng mặt”.

Nguyên đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Q.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Tất C - Quản lý công trường, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Cụm 11, xã V, huyện P, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, T, V.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Thôn P, xã B, V, V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C có mối quan hệ quen biết, đều là các đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Chiều ngày 04/9/2021 V đến xã B, huyện L chơi thì gặp C. Do không có tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân, nên C rủ V đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng, V đồng ý. C hỏi Vt có biết ở đâu có tài sản sơ hở để trộm cắp không, thì V nói tại công trường xây dựng C ở thôn Đ, xã A, huyện T của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn xây dựng Q đang thi công; công trường ở giữa cánh đồng, xung quanh không có nhà dân, ít người qua lại, có để nhiều sắt thép và chỉ có một người đàn ông bảo vệ đã lớn tuổi trông giữ tài sản tại đây. Tuy nhiên người này không phải người địa phương nên nếu bị V và C đe dọa chiếm đoạt tài sản thì sẽ không dám giữ tài sản. Sau khi bàn bạc với nhau xong, trong khoảng thời gian từ 05 giờ đến 11 giờ ngày 05/9/2021, V và C đã 03 lần đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với ông Khuất Văn V, là bảo vệ của công trường để chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 1.964.700đ, các lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/9/2021, C điều khiển xe mô tô BKS: 19H6 - 5542 chở V, đi theo chỉ dẫn của V đến công trường xây dựng C. Khi đi V chuẩn bị 01 xi lanh có gắn mũi kim bằng kim loại ở đầu và được đẩy lại bằng chụp nhựa (là kim tiêm V thường mang theo bên người để tiện sử dụng ma túy) để trong túi quần bên phải phía trước để làm công cụ đe dọa người quản lý tài sản. Khoảng 06 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19H6 – 5542 chở V đến và dừng xe ở ngã ba công trường. Quan sát xung quanh không có người, V xuống xe tìm kiếm sắt ở xung quanh công trường, còn C ngồi trên xe cách đó khoảng 05m để cảnh giới và đợi V. Thời điểm này ở công trường xây dựng có ông

V là bảo vệ của công trình phát hiện C và V trộm cắp tài sản là sắt nên ông V cầm theo 01 đoạn gậy bằng kim loại chạy về phía V và C với mục đích ngăn cản, giữ tài sản của công trường. V thấy ông V chạy đến nên nói với ông V: “*Ông ơi cho con xin cây sắt, mệt lắm rồi*”, ý V nói là V và C là người nghiện không có tiền mua ma túy nên mệt và xin ông V cho lấy sắt của công trình. Ông V không đồng ý và nói: “*Có đâu mà cho chúng mày, lướt đi*” rồi cầm gậy tiến về phía V để ngăn cản. Khi này, V đứng đối diện ông V và nói to với C: “*Thằng kia đưa xi lanh của thằng ết đây*”, đồng thời V rút từ túi quần bên phải ra chiếc xi lanh V mang theo. V cầm xi lanh bằng tay phải, hướng phần mũi kim về phía ông V và quát: “*Ông đừng có đến đây, đây là xi lanh của thằng ết, tôi bị ết đây*”. V đe dọa ông V nếu tiếp tục ngăn cản V lấy tài sản thì V đâm xi lanh của người bị AIDS vào người ông V. Khi V dùng kim xi lanh để đe dọa ông V thì C ngồi trên xe cách V khoảng 05m và biết rõ sự việc diễn ra. Ông V bị V đe dọa nên sợ hãi, không dám tiến đến nữa và bước giật lùi không dám ngăn cản. V tiếp tục cầm xi lanh ở tay và tìm kiếm được 01 thanh kim loại bề mặt dạng hình chữ nhật có kích thước 3,1m x 0,2m, trọng lượng 33kg. V bảo C đi xe máy đến gần rồi vác thanh kim loại ngồi lên phía sau xe. Ông V chạy theo phía sau và vùng gậy vụt dọa thì V cầm xi lanh chỉ về phía ông V và nói: “*Ông đừng có đến đây*” khiến ông V sợ hãi không dám đến gần. Sau đó, C chở V mang thanh kim loại đến quán thu mua sắt vụn ở tổ dân phố Đ, thị trấn Huyện T do chị Bùi Thị H làm chủ thỏa thuận và bán thanh sắt cho chị H được số tiền 270.000đ. Số tiền 270.000đ V và C đã mua ma túy tại thị trấn L, huyện L của một nam giới không rõ tên, địa chỉ rồi cả hai sử dụng hết.

Ngày 06/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã tiến hành thu giữ 01 thanh kim loại bề mặt dạng hình chữ nhật có kích thước 3,1m x 0,2m, trọng lượng 33kg do anh Đào Văn D là chồng chị H giao nộp.

Ngày 18/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T ra kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS, kết luận: 01 (một) thanh kim loại hình chữ nhật (thanh cừ) có chiều dài 3,1m, chiều rộng 0,2m, trọng lượng 33kg có giá trị là 297.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ cùng ngày, V bàn bạc, thống nhất với C tiếp tục quay lại công trường, nếu thấy ông V tại công trường thì tiếp tục đe dọa sẽ sử dụng vũ lực để chiếm đoạt tài sản, C đồng ý. Khi đi, V cầm theo xi lanh của bản thân vừa sử dụng ma túy xong với mục đích làm công cụ để đe dọa ông V. Sau đó, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19H6 - 5542 chở V đến công trường thì không thấy có người quản lý, trông coi tài sản. C dừng xe tại vị trí cũ và ngồi trên xe cảnh giới và đợi V, còn V thì tìm kiếm tài sản. Ông V ở trong lán công trường phát hiện ra V và C quay lại để chiếm đoạt tài sản nên gọi điện thoại cho anh Clà quản lý công trường đang ở trọ gần đó và bảo anh C ra giữ tài sản. Sau đó, ông V cầm 01 đoạn gậy bằng kim loại chạy ra ngăn cản V và C. V nhìn thấy ông V đang đi đến thì nói: “*Cho cháu xin nốt một lần này thôi*”. Ông V không đồng ý và nói: “*Tao không cho, chúng mày biến đi*”. Thấy vậy, V liền rút từ trong túi quần ra chiếc xi lanh mang theo và cầm ở tay phải, đồng thời V chĩa mũi kim tiêm về phía ông V và nói to: “*Ông đến đây tôi đâm đây*”. Khi này ông V sợ hãi nên không dám tiến thêm về phía V còn C biết V dùng kim tiêm để đe dọa ông V khiến ông V không dám chống cự, nên C không có hành động gì thêm. Sau đó, V cầm xi lanh ở tay và nhắc thử 01

thanh kim loại dạng ray đường tàu nhưng không nhắc được nên V nói với C: “*Xuống đây để khênh*”. C chạy xuống cùng V nhắc thanh kim loại dạng hình chữ I có chiều dài 3,54m, trọng lượng 118,3kg nhưng vẫn không nhắc được. Khi này anh C đi xe máy từ trong làng đi ra, ông V hô to “*Cướp, cướp*” nên V và C lên xe máy bỏ chạy và không mang được tài sản gì theo. Trên đường bỏ đi, V vứt bỏ chiếc xi lanh cầm ở tay xuống sông.

Ngày 18/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T ra kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS, kết luận: 01 (một) thanh kim loại dạng hình chữ I (thanh ray) có chiều dài 354 cm, chiều cao 13cm, bề rộng 11,5cm, trọng lượng 118,3 kg có giá trị là 1.064.700đ.

Lần thứ ba: Khoảng 11 giờ cùng ngày, V rủ C quay lại công trường C để đe dọa sẽ sử dụng vũ lực ngay tức khắc đối với bảo vệ của công trường để chiếm đoạt tài sản, C đồng ý. Khi C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19H6 – 55.42 chở V đến công trường thì thấy ông V đang ở dưới bờ ruộng cách lán công trường khoảng 50m. Sau khi dừng xe gần lán công trường, V đi xuống bờ ruộng ở cạnh lán để tìm các thanh kim loại để mang đi. V tìm thấy 01 thanh kim loại dạng ray đường tàu dài 1,6m, trọng lượng 67kg và bảo C xuống cùng V khiêng lên mang đi. Ông V phát hiện thấy V và C đang khuân vác thanh kim loại nên ông V hô lên “*không được lấy*”. V trừng mắt nhìn về phía ông V và quát: “*Ông đừng có đến đây*”. Ông V nhận ra vẫn là C và V là đối tượng đã dùng kim tiêm đe dọa vào buổi sáng cùng ngày nên sợ hãi không dám đến giữ tài sản mà chỉ đứng nhìn từ xa, đồng thời ông V gọi điện thoại cho anh C thông báo sự việc trên. V và C khiêng thanh kim loại để lên xe rồi V điều khiển xe máy chở theo C và thanh kim loại rời khỏi hiện trường. V và C mang thanh kim loại vừa chiếm đoạt được đến quán thu mua sắt vụn gặp anh Nguyễn Văn C, là chủ quán và bán thanh sắt cho anh C được 600.000đ. Số tiền này, V và C đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tiến hành thu giữ 01 thanh kim loại dạng ray đường tàu dài 1,6m, trọng lượng 67kg do anh C tự nguyện giao nộp.

Ngày 18/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T ra kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS, kết luận: 01 (một) thanh kim loại dạng hình chữ I (thanh ray) có chiều dài 1,6cm, chiều cao 0,13m, bề rộng 11,5cm, trọng lượng 67kg có giá trị là 603.000đ.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Nguyễn Tất C có đơn trình báo Cơ quan điều tra Cảnh sát tra - Công an huyện T, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tiến hành xác minh hiện trường, bắt khẩn cấp Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C đồng thời thu giữ xe mô tô BKS 88H6 - 5542 do Nguyễn Văn C giao nộp.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSTD ngày 30 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo V và bị cáo C; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Việt từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2021.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chung từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2021.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Bị hại ông Khuất Văn V, nguyên đơn dân sự Công ty TNHH Xây dựng Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra đã trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông V có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; đại diện Công ty và ông C đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra đã trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị H yêu cầu bị cáo V và bị cáo C phải trả lại cho chị số tiền 270.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra đã trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Anh Cường không yêu cầu V, C phải hoàn trả lại cho anh số tiền 600.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo V và bị cáo C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ 06 giờ đến 11 giờ ngày 05/9/2021, tại công trường xây dựng C thuộc địa phận thôn Đ, xã A, huyện T. Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C đã ba lần có hành vi dùng xi lanh nhựa có kim tiêm làm hung khí để đe dọa sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc đối với ông Khuất Văn V, sinh năm 1953, nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện P, Thành phố H là bảo vệ của công trường để chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 1.964.700đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ ngày 05/9/2021, C và V đi xe mô tô đến công trường xây dựng C để chiếm đoạt tài sản. Quan sát xung quanh không có người, V xuống xe tìm kiếm sắt ở xung quanh công trường, còn Chung ngồi trên xe cách đó khoảng 05m để cảnh giới và đợi V thì bị ông Khuất Văn V là bảo vệ của công trường phát hiện, nên V có hành vi sử dụng xi lanh có kim tiêm (V dọa kim tiêm của người bị mắc bệnh AIDS) đe dọa sẽ đâm ông V ngay tức khắc nếu ông V ngăn cản làm ông V sợ hãi, không dám ngăn cản. Sau đó V và C chiếm đoạt được 01 thanh kim loại trọng lượng 33kg rồi mang đến quán thu mua sắt vụn ở tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T bán cho Bùi Thị H được số tiền 270.000đ. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 297.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ cùng ngày, vẫn phương thức và thủ đoạn như trên, V có hành vi cầm xi lanh chĩa mũi kim tiêm về phía ông V đe dọa sẽ đâm ông V ngay tức khắc nếu ông V ngăn cản làm ông V sợ hãi, không dám ngăn cản. Sau đó V và C đang định chiếm đoạt thanh kim loại trọng lượng 118,3kg nhưng không nhắc được, cùng lúc này có anh C là quản lý công trường đến nên V và C lên xe máy bỏ chạy và không mang được tài sản gì theo. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 1.064.700đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ cùng ngày, V và C tiếp tục quay lại công trường C để chiếm đoạt tài sản. Vẫn phương thức và thủ đoạn như trên, V có hành vi cầm xi lanh chĩa mũi kim tiêm về phía ông V đe dọa sẽ đâm ông V ngay tức khắc nếu ông V ngăn cản làm ông V sợ hãi. Sau đó V và C chiếm đoạt được 01 thanh kim loại trọng lượng 67kg rồi mang đến quán thu mua sắt vụn ở tổ dân phố L, phường Đ, thành phố Y bán cho anh Nguyễn Văn C được số tiền 600.000đ. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 603.000đ.

Trong vụ án này bị cáo C là người rủ dề, tuy nhiên bị cáo V là người thực hành tích cực, trực tiếp nhiều lần vào tích cực đe dọa cướp tài sản. Vai trò trong việc chiếm đoạt tài sản của hai bị cáo ngang nhau, tuy nhiên bị cáo Việt có nhân thân xấu hơn.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người liên quan; biên bản thực nghiệm điều tra, phù hợp với kết luận giám định và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Cướp tài sản”; tội danh được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[4]. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo V và bị cáo C đều có thái độ thành khẩn khai báo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự. Bị cáo V và bị cáo C phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Ngoài ra bị cáo V phải chịu thêm 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là tái phạm.

[5.1]. Bị cáo V và bị cáo C đều có nhân thân xấu, bị cáo V có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 nhân thân về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo C có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với lần cướp tài sản thứ 2 lúc 9 giờ các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản, do đó các bị cáo được áp dụng Điều 57 của Bộ luật Hình sự về phạm tội chưa đạt đối với lần phạm tội này. Các bị cáo tiếp tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội do đó cần xử lý thật nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với cả hai bị cáo với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo V và bị cáo C là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về vật chứng vụ án:

[7.1]. Đối với chiếc xe mô tô BKS 88H6 - 5542 quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Văn M, là anh trai vợ C cho C mượn làm phương tiện đi lại. Anh M không biết C sử dụng chiếc xe mô tô để phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh M là phù hợp.

[7.2]. Đối với thanh kim loại bề mặt dạng hình chữ nhật có kích thước 3,1m x 0,2m, trọng lượng 33kg, thanh kim loại dạng hình chữ I (thanh ray) có chiều dài 160cm, chiều cao 13cm, bề rộng 11,5cm, trọng lượng 67kg và thanh kim loại có chiều dài 3,54m, trọng lượng 118,3kg; quá trình điều tra xác định là tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho anh Nguyễn Tất C. Sau khi nhận lại tài sản, anh C không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với C và V.

[7.3]. Đối với chiếc xi lanh V và C dùng làm hung khí đe dọa ông V, quá trình điều tra V khai đã ném xuống sông nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Bùi Thị H yêu cầu bị cáo V và bị cáo C phải trả lại số tiền 270.000đ, bị cáo V và bị cáo C đồng ý, tuy nhiên do đang bị tạm giam nên chưa có điều kiện trả, sau này khi nào chấp hành xong sẽ trả lại, do vậy cần buộc bị cáo V và bị cáo C phải trả lại số tiền 270.000đ cho chị H.

[9]. Đối với số tiền 600.000đ C và V bán tài sản phạm tội mà có cho anh Nguyễn Văn C, quá trình điều tra anh C không đề nghị V, C phải hoàn trả lại nên không xét.

[8]. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo V, bị cáo C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn V 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2021.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2021.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Văn V và bị cáo Nguyễn Văn C phải liên đới bồi thường cho chị Bùi Thị H số tiền 270.000đ. Trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 1/2, cụ thể như sau:

Bị cáo Đỗ Văn V phải bồi thường cho chị H số tiền 135.000đ, bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho chị H số tiền 135.000đ.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà V, C chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng V, C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc Đỗ Văn V và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân T

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị N

Kiều Thị T

Nguyễn Xuân T

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- CA huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nghi

Kiều Thị Thắng

Nguyễn Xuân Trọng

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQĐT - CA huyện Vĩnh Tường;
- CQCSTHAHS - CA huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Khang

Tạ Tất Hưng

Nguyễn Xuân Trọng

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQĐT - CA huyện Vĩnh Tường;
- CQCSTHAHS - CA huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Khang

Tạ Tất Hưng

Nguyễn Xuân Trọng

